

Bản án số: 12/2019/HSST

Ngày: 01-3-2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Phạm Thị Đào.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quang Miên.

2. Ông Đào Văn Hoàn.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 02 và ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2019/HSST ngày 29/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/HSST- QĐ ngày 12/02/2019 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thắng T , sinh năm 1990** tại Hải Dương. Nơi ĐKKHKT và cư trú: xóm 5, thôn AC, xã HS, huyện KM, tỉnh HD. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thắng T1 và bà Tạ Thị L; vợ: Bé Thị H; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2015.

Nhân thân: **1.** Tại bản án số 42/2009/HSST ngày 20/8/2009, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt Tuyến 12 tháng tù về tội: trộm cắp tài sản. **2.** Tại bản án số 01/2012/HSST ngày 06/01/2012, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt T 15 tháng tù về tội: trộm cắp tài sản.

Tiền án: Bản án số 04/2017/HSST ngày 08/02/2017, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội: trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/01/2018.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2018. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Đỗ Văn C , sinh năm 1993** tại Hải Dương. Nơi ĐKHKTT và cư trú: thôn KH, thị trấn KM, huyện KM, tỉnh HD. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn H1 và bà Nguyễn Thị T3. Tiền sự: Không.

Tiền án: **1.** Bản án số 78/2013/HSST ngày 20/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.(giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt: 29.625.000đ). **2.** Tại bản án số 47/2015/HSST ngày 31/7/2015, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/12/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2018. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:***

**1. Chị Quách Thị Q , sinh năm 1990.**

Nơi ĐKHKTT: khu Ninh Cháp 5, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**2. Anh Vũ Đình H , sinh năm 1997.**

Nơi ĐKHKTT: thôn Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

**3. Chị Vũ Thị Hoa Ch, sinh năm 1993.**

Nơi ĐKHKTT: thôn My Cầu, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

**4. Chị Nguyễn Thị Thu H , sinh năm 1994.**

Nơi ĐKHKTT: Khu 2, thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

**1. Anh Nguyễn Trọng Đ , sinh năm 1990.**

Nơi ĐKHKTT: thôn Hiệp Thượng, xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

**2. Anh Phạm Văn Đ , sinh năm 1998.**

Nơi ĐKHKTT: khu 2, thôn Hạ Chiểu, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

**3. Anh Vũ Văn H , sinh năm 1985.**

Nơi ĐKHKTT: số 40 đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

***Người chứng kiến:***

1. Chị Hoàng Thị H , sinh năm 1987.

ĐKHKTT: Số 40, Trần Hưng Đạo, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

2. Chị Nguyễn Thị Y , sinh năm 1983.

ĐKHKTT: thôn My Khê, xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

3. Anh Trần Văn D , sinh năm 1988.

ĐKHKTT: thôn Đồng Tràng, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Anh Nguyễn Trung D, sinh năm 1988.

ĐKHKTT: thôn Châu Xá, xã Duy Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

5. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1965.

ĐKHKTT: khu Ninh Cháp 5, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

6. Ông Vũ Đình T, sinh năm 1962.

ĐKHKTT: khu Ninh Cháp 5, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

7. Anh Phạm Văn Xuân, sinh năm 1988.

ĐKHKTT: thôn Hiệp Thượng, xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

8. Anh Mạc Duy H, sinh năm 1977.

Nơi ĐKHKTT: số 68 đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

9. Anh Nguyễn Việt A, sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT: khu 2, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 02/4/2018 đến ngày 06/9/2018, do lười lao động, muốn có tiền chi tiêu. Nguyễn Thắng T đã thực hiện 01 vụ Cướp giật tài

sản, 01 vụ trộm cắp tài sản. Nguyễn Thắng T cùng Đỗ Văn C thực hiện 01 vụ Cướp giật tài sản và 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hải Dương, cụ thể:

**Vụ thứ nhất:** Tối ngày 02/4/2018, T mang theo vạm phá khóa và điều khiển xe mô tô Honda Wave BKS 34D1 – 213.07 (của T) chở Đào Văn Minh sinh năm 1990 ở xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đi trên đường theo hướng huyện Kinh Môn đi huyện Chí Linh tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 19 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực cửa nhà bà Ngô Thị N sinh năm 1965, ở khu dân cư Ninh Cháp 5, phường Thái Học, thị xã Chí Linh, Tuyến nhìn thấy chiếc xe mô tô Yamaha Exciter BKS 34C1-163.58 của Chị Quách Thị Q dựng trước cửa nhà. T bảo M trông xe và cảnh giới còn T đi bộ vào cửa nhà bà N dùng vạm phá ổ khóa điện xe mô tô 34C1-163.58 rồi T mang xe đến quán cầm đồ của anh Lê Văn S ở khu đô thị Đông Hải, thôn Hiệp Thượng, xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đặt làm tin để vay số tiền 7.000.000đ (nhân viên tại quán cho vay hiện chưa xác định được tên tuổi địa chỉ người cho vay), số tiền này T và M đã chi tiêu cá nhân hết. Khoảng 10 ngày sau, Tuyến đến quán cầm đồ lấy lại xe mô tô và bán cho anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1990, thôn Hiệp Thượng, xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn được số tiền 8.500.000đ, khi cầm cố và bán xe mô tô trộm cắp, T nói là xe của T, giấy tờ xe do mẹ T đang cầm. Số tiền bán xe, T trả quán cầm đồ 8.000.000đ còn lại 500.000đ T chi tiêu cá nhân.

Tại kết luận định giá số 17 ngày 25/9/2018, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 34C1 – 163.58 có giá trị 21.000.000đ.

**Vụ thứ hai:** Tối ngày 20/8/2018 T mang theo vạm phá khóa và điều khiển xe mô tô Honda Winner màu cam, đen (xe mô tô T trộm cắp tại huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh) chở Đỗ Văn C từ phòng trọ của C, ở thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng đi qua huyện Thanh Miện đến huyện Bình Giang tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực cầu Sồi, xã Thái Học, huyện Bình Giang. T nhìn thấy xe mô tô Honda Winner màu trắng, đen BKS 34B3 – 550.57 của anh Vũ Đình H dựng trước cửa quán. T bảo Công cảnh giới rồi T đi bộ lại gần xe mô tô của anh H, dùng vạm phá ổ khóa điện và điều khiển xe trộm cắp được cùng C đi về thành phố Hải Dương. Tại đây, T và C đổi xe cho nhau và đi về phòng trọ của C, C tháo BKS 34B3 – 550.57 rồi cả hai đi về huyện Kinh Môn, khi đi đến cầu Phú Lương thuộc địa phận thành phố Hải Dương, C ném BKS 34 B3 – 550.57 xuống sông. Đến ngày 01/9/2018, T tháo vỏ hai chiếc xe Winner đổi cho nhau. Sau đó, T rủ bạn là Nguyễn Việt A

đưa đến quán cầm đồ của anh Phạm Văn Đ để cầm cố tài sản trộm cắp tại Bình Giang. Tại đây, Tuyến nói đây là xe mô tô Tuyến mua trả góp nên không có giấy tờ xe, anh Đức không nhận cầm cố do không có giấy tờ nhưng đã cho Tuyến gửi xe tại quán và cho Tuyến vay 3.000.000đ. Số tiền này Tuyến đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 21 ngày 12/9/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Giang kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Winner, màu sơn trắng đen, BKS 34B3 – 550.57, trị giá là 38.250.000đ.

**Vụ thứ ba:** Chiều tối ngày 21/8/2018, Nguyễn Thắng T và Đỗ Văn C mỗi người điều khiển một xe mô tô Winner (xe trộm cắp tại huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh và huyện Bình Giang) rủ nhau đi trên đường tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 20h cùng ngày, khi đi đến đoạn Km số 36 + 750 thuộc địa phận thôn Mậu Tài, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Công nhìn thấy chị Vũ Thị Hoa Ch điều khiển xe mô tô Honda SH mode BKS 34B3 – 489.95 đi phía trước cùng chiều, trên người chị Ch đeo một chiếc túi xách màu đỏ nên đã ra hiệu cho T để giật chiếc túi xách của chị Ch. Tuyến điều khiển xe vượt lên phía trước xe của chị Ch, còn Công điều khiển xe áp sát phía sau bên trái xe của chị Ch rồi dùng tay phải giật mạnh chiếc túi xách làm chiếc túi bị đứt quai. Công cầm chiếc túi xách điều khiển xe đi lên gần Tuyến và hô to “đi thôi”, Tuyến điều khiển xe đi theo sau xe của Công theo hướng Quán Gỏi sang tỉnh Bắc Ninh. Trên đường đi, Công kiểm tra túi xách lấy chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 màu đen, còn lại một số giấy tờ cá nhân, 01 chiếc khóa từ xe máy và túi xách của chị Ch, Công vút ở dọc đường. T và C thuê phòng tại một nhà nghỉ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ngủ. Tại đây, C tháo sim điện thoại của chị Ch vút đi rồi đưa điện thoại cướp giật được cho T cầm. Đến khoảng ngày 24/8/2018, Tuyến mang điện thoại đến cầm tại quán điện thoại của anh Mạc Duy H lấy 2.800.000đ. Ngày 30/8/2018 C và T quay lại quán anh H, T trả tiền để lấy điện thoại. Đến ngày 01/9/2018 T mang điện thoại đến cầm tại quán điện thoại của anh Vũ Văn H lấy 3.500.000đ. Số tiền cầm cố điện thoại, C được chia 1.000.000đ, còn lại T đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 2543 ngày 27/9/2018, Hội đồng định giá tài sản UBND tỉnh Hải Dương kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 màu đen, số Imei 1: 352808092483585; số Imei 2: 352809092483583 có giá trị là 6.000.000đ.

**Vụ thứ tư:** Khoảng 19 giờ ngày 06/9/2018 Nguyễn Thắng T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Winner màu trắng đen, đeo biển kiểm soát giả 34B3 – 381.09 đi

trên Quốc lộ 5A hướng thành phố Hải Dương đi thành phố Hải Phòng. Khi đi đến gầm cầu vượt gần siêu thị Big C thuộc địa phận thành phố Hải Dương, Tuyến nhìn thấy chị Nguyễn Thị Thu H điều khiển xe mô tô đi phía trước cùng chiều, trên người chị H có đeo chiếc túi xách màu đen. T nảy sinh ý định giật chiếc túi xách nên đã điều khiển xe đi theo sau xe của chị H. Khi đi đến Km 56 + 700 thuộc địa phận thôn Phú Lương, xã Nam Đồng, thành phố Hải Dương, Tuyến điều khiển xe áp sát xe của chị H, dùng tay phải giật mạnh chiếc túi xách làm chiếc túi bị đứt quai. T cầm chiếc túi xách, điều khiển xe đi về hướng thành phố Hải Phòng. Khi đi đến bờ sông thuộc thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, Tuyến dừng lại kiểm tra thấy bên trong túi xách có 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng và 01 chiếc ví bằng vải bên trong có số tiền 390.000 đồng cùng một số giấy tờ cá nhân. T tháo sim điện thoại ra, lấy số tiền 390.000 đồng, còn các tài sản khác T ném xuống sông. Sau đó, T bị cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Hải Dương triệu tập lên làm việc và đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và đồng bọn như nêu trên.

Tại kết luận định giá số 2541 ngày 27/09/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Hải Dương kết luận: chiếc điện thoại Iphone 5, màu trắng có trị giá 1.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại Iphone 5; 01 điện thoại Iphone 6; 01 xe mô tô Winner BKS 34B3 – 381.09; 01 ví da; số tiền 1.400.000đ; 01 điện thoại Nokia loại 6303C, số tiền 780.000đ; 01 điện thoại Samsung J7; 01 xe mô tô Winner, số khung 2603GY021701, số máy KC 26B 1038166; 01 xe mô tô Exciter số khung 10DY326098, số máy 55P1326127. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô Winner BKS 34B3 – 550.57 cho anh Vũ Đình H; trả lại xe mô tô YAMAHA BKS 34C1 – 163.58 cho chị Quách Thị Q, trả lại chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 cho chị Vũ Thị Hoa Ch; trả lại chiếc điện thoại Iphone 5S và số tiền 390.000đ cho chị Nguyễn Thị Thu H.

Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

*Tại phiên tòa:* Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa ngày 26/02/2019 và theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 251 Bộ luật tố tụng hình sự để Kiểm sát viên bổ sung thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được. Tại phiên tòa ngày 01/3/2019, Kiểm sát viên đã bổ sung những chứng cứ quan trọng theo yêu cầu của Hội đồng xét xử.

Quan điểm của các bị hại (thông qua đơn xin xét xử vắng mặt): Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt các anh chị đã nhận lại, không có yêu cầu gì thêm đối với các bị cáo. Một số tài sản khác không thu hồi được, các chị cũng không đề nghị các bị cáo bồi thường, không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với chị Quách Thị Q : Chị đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô Yamaha Exciter BKS 34C1 – 163.58, chị không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác liên quan đến phần trách nhiệm dân sự. Khi chị nhận lại xe mô tô bị chiếm đoạt thì xe có thay đổi so với ban đầu. Tuy nhiên chị không tự nguyện trả phần tiền liên quan đến việc anh Nguyễn Trọng Đ tự ý làm thay đổi, trường hợp anh Đ có yêu cầu thì chị cùng anh Đ sẽ giải quyết thành vụ án dân sự khác, không liên quan đến vụ án này. Về trách nhiệm hình sự: Các bị hại đề nghị Tòa án xét xử nghiêm đối với các bị cáo.

Quan điểm của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (thông qua đơn xin xét xử vắng mặt): Anh Phạm Văn Đ , anh Vũ Văn H xác định: Số tiền các anh cầm cố tài sản và cho vay, các anh không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả, các anh cho các bị cáo nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Quan điểm của các bị cáo: Các bị cáo xác định: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo theo các tội danh và điều luật nêu trên là đúng. Về phần trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường, các bị cáo không có ý kiến gì. Đối với số tiền mà anh Đức, anh Huy cho các bị cáo, các bị cáo xin nhận số tiền trên. Đối với số tiền Bị cáo T bán xe máy trộm cắp tại Chí Linh cho anh Đ, tại thời điểm này anh Đ chưa đưa ra quan điểm, nếu anh Đ có yêu cầu thì bị cáo và anh Đ sẽ giải quyết trong vụ án khác. Đối với chiếc xe máy BKS 34D1 – 213.07 Bị cáo T sử dụng đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thành phố Chí Linh, bị cáo đã bán chiếc xe máy trên cho người không quen biết, bán được bao nhiêu tiền bị cáo không nhớ nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS – P1 ngày 26/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thắng T về tội Cướp giật tài sản, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự và tội: “Trộm cắp tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đỗ Văn C phạm tội Cướp giật tài sản, theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự và tội: “Trộm cắp tài sản”, theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố, trình bày luận tội: Giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (được viết tắt là HĐXX):

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thắng T và Đỗ Văn C phạm tội: Cướp giật tài sản và tội: Trộm cắp tài sản.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s, r, h khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thắng T .

+ Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn C .

*Xử phạt:* Bị cáo Nguyễn Thắng T từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù về tội Cướp giật tài sản; từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hình phạt chung là 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2018.

*Xử phạt:* Bị cáo Đỗ Văn C từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù về tội Cướp giật tài sản; từ 02 năm 02 tháng đến 02 năm 05 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hình phạt chung là 05 năm 08 tháng đến 06 năm 02 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về vật chứng: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

+. Tịch thu cho tiêu hủy: 02 biển số xe 34D1 – 105.18 và 34B3 – 381.09; 01 ví da màu đen; 02 chiếc sim điện thoại số 0923.613.104 và số 0164.911.0693.

+. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.790.000đ.

+. Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, màu xám đen, Imel: 359307067433157; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, loại 6303C, màu nâu, số imel: 351505042856594.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo là đúng, các bị cáo không có ý kiến gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án*: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 02/4/2018 tại khu vực Ninh Cháp 5, phường Thái Học, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Nguyễn Thắng T đã trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Exciter BKS 34C1 – 163.58 trị giá 21.000.000đ của chị Quách Thị Q . Khoảng 19 giờ ngày 06/9/2018 tại km 56+700 QL 5A, thuộc địa phận thôn Phú Lương, xã Nam Đồng, thành phố Hải Dương. Nguyễn Thắng T đã cướp giật 01 túi xách trong có 01 điện thoại Iphone 5S trị giá 1.500.000đ, số tiền 390.000đ và một số giấy tờ tùy thân khác của chị Nguyễn Thị Thu H .

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 20/8/2018 tại thôn Sồi Cầu, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Đỗ Văn C và Nguyễn Thắng T đã có hành vi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, BKS 34B3 – 550.57 trị giá 38.250.000đ của anh Vũ Đình H . Khoảng 20 giờ ngày 21/8/2018, tại km 36+750 Quốc lộ 5A, thuộc địa phận thôn Mậu Tài, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Nguyễn Thắng T và Đỗ Văn C đã cướp giật của chị Vũ Thị Hoa Ch 01 túi xách, bên trong có 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 trị giá 6.000.000đ; 01 chiếc khóa từ và một số giấy tờ cá nhân của chị Ch .

Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những làm ảnh hưởng tới tình hình trật tự trị an trên địa bàn mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của nhân dân. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi mà các bị cáo cố ý thực hiện.

*Đối với hành vi cướp giật tài sản của các bị cáo thì thấy:* Các bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại công khai. Các bị cáo thực hiện vào đúng giờ tan tầm làm việc, thực hiện trên tuyến đường quốc lộ, có nhiều người tham gia giao thông. Sau khi chiếm đoạt được tài sản các bị cáo nhanh chóng tẩu thoát. Điều đó thể hiện sự nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Bị cáo T thực hiện 02 hành vi cướp giật tài sản, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt cùng đồng phạm là 7.500.000đ. Bị cáo C thực hiện 01 hành vi cướp giật tài sản, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt cùng đồng phạm là 6.000.000đ. Các bị cáo sử dụng xe máy để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, theo hướng dẫn điểm 5.1 Mục 5 Phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao thì xe máy các bị cáo sử dụng khi phạm tội được xác định là “*thủ đoạn nguy hiểm*”. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Đỗ Văn C : Bản thân bị cáo có 02 tiền án về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Mua bán trái phép chất ma túy. Tại bản án số 47/2015/HSST ngày 31/7/2015, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xác định bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại phạm tội với lỗi cố ý nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu thêm tình tiết định khung là “*tái phạm nguy hiểm*”, theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

*Đối với tội trộm cắp tài sản:* Các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của bị hại để xe máy ngoài đường, không có người trông coi nên đã lén lút sử dụng vạm phá khóa, phá ổ khóa điện của xe nhằm chiếm đoạt. Bị cáo Nguyễn Thắng T thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản bị cáo cùng đồng phạm chiếm đoạt là 59.250.000đ, bị cáo Đỗ Văn C thực hiện 01 hành vi trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản bị cáo cùng đồng phạm chiếm đoạt là 38.250.000đ. Do vậy, Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, theo quy định Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo T phải chịu tình tiết định khung “*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ*”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173

Bộ luật hình sự. Bị cáo C phải chịu tình tiết định khung “*tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về các tội danh và các điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đây là vụ án có đồng phạm nên cần phân hoá vai trò, đồng thời đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS) của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thắng T giữ vai trò thứ nhất và phải chịu trách nhiệm hình sự về cả 04 hành vi nêu trên, bị cáo Đỗ Văn C giữ vai trò thứ hai và phải chịu trách nhiệm hình sự về 02 hành vi Cướp giật tài sản xảy ra tại địa phận huyện Cẩm Giàng và Trộm cắp tài sản xảy ra tại địa phận huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

**[3]** *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và hướng xử lý đối với các bị cáo:*

Xét nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu. Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo T phải chịu 02 tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo thực hiện 04 hành vi phạm tội (trong đó có 02 hành vi Cướp giật tài sản và 02 hành vi Trộm cắp tài sản), mỗi hành vi mà bị cáo thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*phạm tội 02 lần trở lên*”, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội với lỗi cố ý nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là “*tái phạm*”. Bị cáo Đỗ Văn C không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với hành vi Cướp giật tài sản của hai bị cáo và tội trộm cắp tài sản (đối với bị cáo C), giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt dưới 50.000.000đ nhưng các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 171 và khoản 2 Điều 173 BLHS là do các bị cáo sử dụng thủ đoạn nguy hiểm và do có tiền án nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS là “*gây thiệt hại không lớn*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T còn được hưởng thêm 01 tình tiết giảm trách nhiệm hình sự “*người phạm tội tự thú*” theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS (vì khi bị cáo bị phát hiện bắt giữ đối với hành vi Cướp giật tài sản tại thành phố Hải Dương, trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự khai ra hành vi Cướp giật tài sản và Trộm cắp tài sản khác trên địa bàn tỉnh Hải Dương). HĐXX sẽ xem xét áp dụng

để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Tuy nhiên, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thì thấy: Ngoài các lần phạm tội này các bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội trên nhiều địa bàn khác nữa nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để tác dụng giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế bản thân không có nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

+. Đối với tài sản các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại: Các bị hại đã nhận được các tài sản bị chiếm đoạt, ngoài ra còn một số tài sản khác, không có giá trị sử dụng nên các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Xét các bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

+. Đối với số tiền anh Nguyễn Trọng Đ mua xe của Bị cáo T nhưng không biết đó là xe do bị cáo phạm tội mà có. Tại thời điểm này, anh Nguyễn Trọng Đ không cư trú tại địa phương nên không làm rõ được yêu cầu của anh Đ đối với bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với số tiền này. Anh Đ có quyền yêu cầu Bị cáo T thanh toán số tiền 8.500.000đ cho anh trong vụ án dân sự khác.

+. Đối với số tiền 3.000.000đ anh Phạm Văn Đ cho các bị cáo vay (bị cáo để lại xe máy cho anh) và số tiền 3.500.000đ anh Vũ Văn H cầm cố chiếc điện thoại Samsung J7 các bị cáo chiếm đoạt của chị Ch. Các anh xác định khi cho vay và cầm cố không biết đó là tài sản do hai bị cáo phạm tội mà có. Hiện nay, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại, các anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền trên, các anh cho các bị cáo nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, các bị cáo nhận số tiền trên. HĐXX, xét thấy sự cho nhận trên là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận và không phải xem xét giải quyết trong vụ án.

+. Đối với một số tài sản bị hại bị chiếm đoạt: Gồm 02 chiếc túi xách, 01 chiếc ví; 01 chiếc chìa khóa từ. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung: Yêu cầu VKS định giá những tài sản trên. Cơ quan cảnh sát điều tra đã có Quyết định yêu cầu định giá. Tuy nhiên Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự từ chối không định giá. Mặt khác, các bị hại cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự bởi những tài sản trên

đều cũ, không còn giá trị sử dụng. Do vậy, HĐXX không phải giải quyết phần trách nhiệm dân sự này trong vụ án.

[5]. Về xử lý vật chứng:

+. Đối với biển số xe 34D1 – 105.18: Theo kết luận giám định thì biển số xe trên là biển số giả, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với biển số xe 34B3 – 381.09: Theo kết luận giám định thì biển số xe trên là biển số thật và đăng ký mang tên ông Nguyễn Thắng T. Ông T bị mất, nay ông đã đi làm lại biển số khác cho xe máy của ông, ông không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy, chiếc biển số xe 34B3 – 381.09 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy.

+. Đối với 01 chiếc ví da màu đen, bị cáo không xin lại. Xét chiếc ví trên không còn giá trị sử dụng nên HĐXX tuyên tịch thu cho tiêu hủy. Đối với 02 chiếc sim điện thoại có số 0923.613.104 và số 0164.911.0693. Hai chiếc sim điện thoại trên không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy.

+. Đối với số tiền 1.790.000đ là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+. Đối với: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, màu xám đen, Imel: 359307067433157; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, loại 6303C, màu nâu, số imel: 351505042856594. 02 chiếc điện thoại trên các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

+. Đối với biển số xe 34C1 – 163.58 của chị Quách Thị Q và biển số xe 34B3- 550.57 của anh Vũ Đình H , các bị cáo đã vứt đi nhưng không rõ vị trí. Chiếc vạm phá khóa T dùng làm công cụ phạm tội trên địa bàn thành phố Chí Linh, T khai đưa cho M cất giữ, chiếc vạm phá khóa T sử dụng làm công cụ phạm tội trên địa bàn huyện Bình Giang, T đã làm mất. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được nên HĐXX không xem xét giải quyết.

+. Đối với chiếc xe máy BKS 34D1 – 213.07 Bị cáo T sử dụng đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thành phố Chí Linh, bị cáo đã bán chiếc xe máy trên cho người không quen biết, bán được bao nhiêu tiền bị cáo không nhớ. Cơ quan cảnh sát điều tra không xác định được nên HĐXX không có căn cứ xử lý.

[6]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về các vấn đề khác:

Đối với Đào Văn M, theo T khai là người cùng T đi Trộm cắp xe mô tô tại thị xã Chí Linh vào ngày 02/4/2018, quá trình điều tra chưa xác định được M đang ở đâu. Ngày 18/12/2018, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã ra Quyết định tách vụ án số 02 để tiếp tục điều tra về tội Trộm cắp tài sản đối với M.

Đối với các anh Mạc Duy H , Vũ Văn H , Phạm Văn Đ , Nguyễn Trọng Đ là những người Bị cáo T cầm cố điện thoại, cầm cố và gửi xe mô tô, anh Nguyễn Việt A đưa T đi cầm cố xe nhưng đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **[1]. Căn cứ:**

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s, h, r khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thắng T .

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thắng T phạm tội: Cướp giật tài sản và tội Trộm cắp tài sản.

*Xử phạt:* Bị cáo Nguyễn Thắng T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội Cướp giật tài sản; 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hình phạt chung là 05 (năm) năm 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2018.

+ Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn C .

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn C phạm tội: Cướp giật tài sản và tội Trộm cắp tài sản.

*Xử phạt:* Bị cáo Đỗ Văn C 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù về tội Cướp giật tài sản; 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hình phạt chung là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2018.

[2]. Về vật chứng: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

+. Tịch thu cho tiêu hủy: 02 biển số xe mô tô 34D1 – 105.18; 34B3 – 381.09; 01 ví da màu đen (bên trong không có giấy tờ, đồ vật gì); 02 sim điện thoại số 0923.613.104 và 0164.911.0693.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.790.000đ được niêm phong trong 02 chiếc phong bì ký hiệu là 155A và 155B.

+ Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, màu xám đen, Imel: 359307067433157; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, loại 6303C, màu nâu, số Imel: 351505042856594.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng ngày 02/01/2019)*

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo T và bị cáo C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Công an huyện Cẩm Giàng ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương.
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng.
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Đào**

## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT VỤ PHẠM MINH TUẤN**

Xét xử ngày 28 tháng 8 năm 2017

Thẩm phán: Phạm Thị Đào.

Bị cáo Phạm Minh Tuấn có: Nhân thân: Tốt, chưa tiền án, tiền sự.

Tại Kết luận giám định số 230/KLGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017, Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận: Tinh thể màu trắng thu giữ của Thành có trọng lượng 0,479 gam, có Katemine: Tinh thể màu trắng thu giữ của Tuấn có trọng lượng 0,913 gam, có Ketamine và 06 viên nén màu hồng có tổng trọng lượng 1,840gam đều có MDMA.(Tổng là 3,232 gam các chất ma túy ở thể rắn)

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Minh Tuấn phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh Tuấn từ 30 - 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/6/2017

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS:

+. Tịch thu cho tiêu hủy: 01 phong bì thư số 230/KLGD -PC54 có dấu niêm phong của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an (Bên trong chứa 2,801 gam chất ma túy ở thể rắn (gồm 1,263 gam Ketamine và 1,583 gam MDMA) hoàn lại sau giám định).

+. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000đ.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày .....)*

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.



